

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/HNGĐ - ST.

Ngày: 12 – 8 - 2020.

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Hoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Ngọc Thị Ngoan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trọng M - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **161/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020** về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020**, quyết định hoãn phiên tòa số **68/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020**, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Kiều NH, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: tổ 5, khu P , thị trấn L , huyện L , tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: khu phố M, thị trấn H , huyện N , tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Anh Lư Vũ Trường G, sinh năm 1987.

Địa chỉ: tổ 5, khu P , thị trấn L , huyện L , Đồng Nai.

(Chị NH đề nghị xét xử vắng mặt, anh G vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị NH trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh G tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND thị trấn L . Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh G luôn đi sớm về trễ, có khi không về, anh G có người khác bên ngoài. Từ khi phát sinh mâu thuẫn, chị sống ở huyện N với bố mẹ ruột,

còn anh G sống ở L . Từ khi sống ly thân cho đến nay thì anh G không đến thăm vợ con. Chị không còn quan tâm gì đến anh G. Chị có liên lạc với anh G nói anh G đến Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh G nói chị tự giải quyết. Nay **chị yêu cầu được ly hôn với anh G.**

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Lư Gia M, sinh ngày 15/12/2011. Hiện nay đang sống với chị. Chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Chị có công việc ổn định, đảm bảo nuôi con tốt.

- *Bị đơn anh Lư Vũ Trường G:* Anh G đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử nhưng anh G vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc xét xử của Hội đồng xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thư ký đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị NH và anh G là hôn nhân hợp pháp, anh chị sống chung với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 09/4/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành, huyện Long Thành. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn từ tháng 3 năm 2019, do bất đồng ý kiến, đời sống hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay. Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị NH đối với anh G.

Về con chung: Có 01 con chung là Lư Gia M, sinh ngày 15/12/2011, chị NH có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu M, bản thân cháu M cũng có nguyện vọng được sống với chị NH nên đề nghị giao cháu M cho chị NH nuôi dưỡng, tạm thời không yêu cầu anh G cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn đã nộp theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị NH có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh G đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị NH, anh G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị NH và anh G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân, chị NH về huyện Nhơn Trạch sinh sống, còn anh G vẫn sinh sống tại huyện Long Thành. Xét việc anh G vắng mặt trong quá trình tố tụng thể hiện anh không còn quan tâm đến hôn nhân với chị NH nữa. Như vậy, giữa chị NH và anh G không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu ly hôn của chị NH là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa chị NH và anh G.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lư Gia M, sinh ngày 15/12/2011. Hiện nay đang sống với chị. Chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Cháu M cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển mọi mặt cho cháu M nên giao cháu M cho chị NH tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị NH khai không có, còn anh G không gửi yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị NH khai không có và theo kết quả xác M tại địa phương thì trong thời kỳ hôn nhân của anh chị, không có ai tranh chấp với anh chị về nghĩa vụ tài sản nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị NH phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kiều NH về việc tranh chấp ly hôn đối với anh Lư Vũ Trường G, cho ly hôn giữa chị NH và anh G.

Về con chung: Giao cháu Lư Gia M, sinh ngày 15/12/2011 cho chị NH trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh G được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị NH phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003224 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chị NH, anh G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND TT.LT.
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Hoa**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Hoa**

